

**THÔNG TIN CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG**  
**MỘT SỐ CHẾ PHẨM ĐÔNG DƯỢC NĂM 2022**

STT	TÊN THUỐC	CHỈ ĐỊNH	CHỐNG CHỈ ĐỊNH	LIỀU DÙNG
1	AD- Liver	Hỗ trợ điều trị trong các trường hợp: - <b>viêm gan cấp và mạn tính, đặc biệt viêm gan siêu vi B.</b> - <b>Suy giảm chức năng gan</b> gây mệt mỏi, ăn uống khó tiêu, bí đại tiểu tiện, táo bón. <b>Tiêu độc</b> trong các trường hợp đình rêu, mụn nhọt, lở ngứa.	Mẫn cảm với thành phần nào của thuốc. <b>Phụ nữ có thai.</b>	Dùng đường uống, <b>uống trước bữa ăn 30 phút.</b> Người lớn: ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên. Trẻ em: ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 viên hoặc dùng theo chỉ định của thầy thuốc.
2	Biofil	Dùng cho người làm việc nặng nhọc, kém ăn, kém ngủ, mệt mỏi, sút cân, cơ thể suy nhược, trẻ em chậm lớn, người mới ốm dậy.	Mẫn cảm với các thành phần nào của thuốc.	Ngày uống 1-2 ống. Dùng liên tục 20-30 ngày liền cho một đợt điều trị.
3	Boganic Forte	- Bổ gan, dùng phòng và hỗ trợ điều trị suy giảm chức năng gan, đặc biệt do dùng nhiều bia, rượu: viêm gan do thuốc, hóa chất. - Làm giảm các triệu chứng của bệnh viêm gan gây mệt	- Mẫn cảm với thành phần của thuốc. - <b>Người bị viêm tắc mật.</b> - <b>Người tỳ vị hư hàn (phân lỏng nát hoặc tiêu chảy).</b>	Người lớn: uống 1-2 viên/lần x 2-3 lần/ngày. Trẻ em trên 8 tuổi: uống 1 viên/lần x 2-3 lần/ngày. Thời gian sử dụng 2-3 tháng hoặc lâu hơn tùy theo tình trạng bệnh. <b>Lưu ý:</b> đối với người tiểu đường có thể dùng thuốc Boganic dạng bào chế viên bao phim

		<p>mỏi, vàng da, ăn kém, khó tiêu, bí đại tiểu tiện, táo bón...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều trị dị ứng, mụn nhọt, lở ngứa, nổi mề đay do bệnh gan gây ra.</li> <li>- Phòng và hỗ trợ điều trị xơ vữa động mạch, mỡ trong máu cao.</li> </ul>		<p>hoặc viên nang mềm. Thận trọng khi dùng cho PNCT.</p>
4	Phong tê thấp Hyđan	Dùng trong các trường hợp đau dây thần kinh tọa, thần kinh liên sườn, đau nhức xương, mỏi, tê buồn chân tay.	<p><b>-Phụ nữ có thai, trẻ em dưới 4 tuổi</b> <b>-Người bị tiểu đường, âm hư, huyết nhiệt, háo khát.</b></p>	<p>- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 10 hoàn/3 lần/ngày. Sau khi quen thuốc có thể uống tăng 1-2 hoàn/ lần (nếu cần). Tối đa không quá 20 hoàn/ lần và 50 hoàn/ngày.</p>
5	Bổ tỳ P/H	Kích thích tiêu hóa, dùng cho trẻ chán ăn, còi xương, chậm lớn, suy dinh dưỡng, rối loạn tiêu hóa, phân sống, tiêu chảy kéo dài.	<p><b>Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật, sốt cao.</b> <b>Lưu ý: thận trọng cho bệnh nhân tiểu đường, PNCT và cho con bú.</b></p>	<p>Ngày uống 2 lần, <b>uống trước bữa ăn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ dưới 6 tuổi, mỗi lần 2 thìa cà phê (10ml)</li> <li>- Trẻ từ 6-14 tuổi trở lên, mỗi lần 3 thìa cà phê (15ml).</li> <li>- Trẻ từ 14 tuổi trở lên và người lớn, mỗi lần 4 thìa cà phê (20ml).</li> </ul>
6	Cảm mạo thông	Trị cảm cúm, viêm xoang, viêm mũi dị ứng với biểu hiện: sốt, nhức đầu, hắt hơi, sổ mũi, chảy nước mũi, nghẹt mũi.	<p>Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc, <b>phụ nữ có thai.</b> <b>Không dùng cho người bị các bệnh sa giáng: trĩ, sa dạ dày, sa dạ con,..</b></p>	<p>Người lớn: ngày uống 4-6 viên, chia 2-3 lần. Trẻ em trên 5 tuổi: ngày uống 2-4 viên, chia 2-3 lần. <b>Lưu ý:</b> không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.</p>
7	Cồn xoa bóp	Chữa các chứng đau nhức do nhiều nguyên nhân: thấp khớp, nhức mỏi gân xương, bị	<b>Phụ nữ có thai, trẻ dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động</b>	Mỗi lần dùng khoảng 2-5ml, xoa bóp các chỗ đau nhiều lần trong ngày. Đối với chai xịt 50ml: xịt lên chỗ đau và xoa bóp, dùng nhiều

		thương, bị ngã.	<b>kinh, co giật hoặc sốt cao. Không bôi lên mắt, vết thương hở.</b> người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.	lần trong ngày. Thuốc dùng ngoài, <b>không được uống.</b>
8	Đại tràng hoàn P/H	Điều trị viêm đại tràng cấp và mãn tính, với các biểu hiện; rối loạn tiêu hóa, miệng đắng không muốn ăn, đau bụng đầy hơi, chậm tiêu hóa, hay đi ngoài, phân rối loạn (lỏng nát), cảm giác đi ngoài không hết, hay mót rặn.	<b>Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật sốt cao, phụ nữ có thai.</b> <b>Thận trọng:</b> khi dùng cho phụ nữ đang cho con bú.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 gói, <b>uống sau bữa ăn.</b></li> <li>- Đợt điều trị 4-6 tuần.</li> </ul>
9	Đương quy bổ huyết	Đương quy bổ huyết P/H được dùng trong các trường hợp: - Người cần tăng sức đề kháng để phòng bệnh. - Người thiếu máu có biểu hiện xanh xao, gầy yếu do mất máu hoặc do mới ốm dậy, ăn uống kém hoặc hấp thu kém dẫn đến thiếu chất dinh dưỡng để tạo máu. - Người hồi hộp, mất ngủ, hoa mắt chóng mặt do huyết hư.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.</li> <li>- <b>Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai.</b></li> </ul>	Ngày uống 3 lần, mỗi lần 4-5 viên, <b>uống sau bữa ăn.</b>
10	Hoạt huyết phúc hưng	Được dùng rộng rãi cho mọi lứa tuổi để phòng và điều trị bệnh: - Thiếu năng tuần hoàn não: đau đầu, hoa mắt, chóng mặt,	Không dùng thuốc cho <b>phụ nữ có thai, người đang có xuất huyết.</b>	Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3-4 viên, <b>uống sau bữa ăn.</b>

		<p>ù tai, giảm trí nhớ, mất ngủ, thiếu máu não do thoái hóa đốt sống cổ, xơ vữa mạch máu.</p> <p>- Thiếu năng tuần hoàn ngoại vi: tê bì chân tay, chóng mặt, mệt mỏi khi vận động, đau nhức cơ bắp, chuột rút, sạm da, khô ráp.</p> <p>- Phòng và điều trị: tụ máu sau chấn thương, các tình trạng đau bụng kinh, đau do ứ máu.</p>		
11	Hộ tâm đơn	<p>Quỹ BHYT thanh toán trong giới hạn chỉ định điều trị và phòng ngừa các chứng rối loạn nhịp tim, đau thắt ngực.</p>	<p>-Người quá mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.</p> <p>-Không dùng cho <b>phụ nữ có thai</b>.</p>	<p>Dùng theo chỉ định của bác sĩ hoặc liều thường dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lớn: ngày 3 lần, mỗi lần 3 viên.</li> <li>- Trẻ em: mỗi lần 1-2 viên, ngày 2-3 lần.</li> </ul>
12	Kim tiền thảo râu ngô	<p>Phòng và điều trị sỏi đường tiết niệu, sỏi thận, viêm bể thận, viêm túi mật.</p>	<p>Chưa thấy có khuyến cáo.</p>	<p>Người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều trị sỏi đường tiết niệu :uống 2-4 viên/lần x 3 lần/ngày.</li> <li>- Phòng ngừa sự kết sỏi: uống 1 viên x 3 lần/ngày.</li> </ul> <p>Trẻ em:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều trị sỏi đường tiết niệu: uống 1-2 viên/lần x 3 lần/ngày.</li> <li>- Phòng ngừa sự kết sỏi: uống 1v/lần x 3 lần/ngày.</li> <li>- Hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.</li> </ul>
13	FRENTINE	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị các bệnh phong tê thấp, gây đau nhức các khớp hoặc toàn thân.</li> <li>- Viêm đau khớp cấp và mãn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với thành phần nào của thuốc.</li> <li>- <b>Phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ em dưới 5</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Ngày uống 4 viên/2 lần.</li> <li>- Trẻ em 5 -12 tuổi: Ngày uống 2 viên/2 lần.</li> </ul>

		tính kèm theo sưng nóng đỏ đau. - Viêm đau dây thần kinh tọa, viêm đau dây thần kinh liên sườn và tê bì chân tay.	<b>tuổi</b> <b>- Người cao huyết áp, âm hư, huyết nhiệt</b>	
14	LUMBROTI NE	- Điều trị các chứng tê mỏi chân tay, di chứng tai biến mạch máu não. - Phòng ngừa chứng xơ vữa động mạch.	- Mẫn cảm với thành phần nào của thuốc. - <b>Phụ nữ có thai hoặc cho con bú.</b> - <b>Người đang bị xuất huyết hoặc có nguy cơ xuất huyết.</b>	Dùng đường uống với nước ấm, sau các bữa ăn. - Người lớn: ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 viên. - Dùng liên tục trong vòng 3 tháng hoặc hơn.
15	Thấp khớp hoàn – P/H	Chủ trị đau các khớp xương, đau lưng, đau cột sống, đau dây thần kinh tọa, đau bắp thịt.	- <b>Trẻ em dưới 30 tháng tuổi.</b> - <b>Trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật do sốt cao.</b> - <b>Phụ nữ có thai.</b>	- Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 gói, <b>uống sau bữa ăn.</b> - Đợt điều trị 4-6 tuần. Có thể dùng 2-3 đợt, mỗi đợt cách nhau 3-5 ngày. - Uống thuốc với nước đun sôi để nguội.
16	Hoạt huyết CM3	Thuốc được chỉ định điều trị: - Rối loạn tuần hoàn não do xơ vữa mạch máu. - Xuất huyết do đông máu trái rúc trong lòng mạch. - Phòng biến chứng do xạ trị, hóa trị.	- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc. - <b>Phụ nữ có thai</b> - <b>Đang chảy máu, rối loạn chảy máu.</b>	- Người lớn: uống 2 viên/lần x 3 lần/ngày, <b>uống sau khi ăn 30 phút.</b> Trẻ em: uống 1-2 viên/lần x 2-3 lần/ngày, uống sau khi ăn 30 phút.
17	Siro CAM TÙNG LỘC	Phòng và điều trị còi xương, suy dinh dưỡng, mồ hôi trộm, rối loạn tiêu hóa, kém ăn, kém ngủ, giun kim, giun đũa...	Mẫn cảm với thành phần nào của thuốc, <b>rối loạn tiêu hóa.</b> <b>Người bị tiểu đường.</b>	Ngày uống 2-3 lần. Người lớn: mỗi lần 30ml (2 thìa canh). Trẻ em: - dưới 1 tuổi: mỗi lần 5ml-10ml (1-2 thìa café).

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1-2 tuổi: mỗi lần 10ml -15ml (2-3 thìa café).</li> <li>- Từ 2-6 tuổi: mỗi lần 10ml – 15 ml (3-4 thìa café).</li> <li>- Trên 6 tuổi: mỗi lần 20ml- 25ml (4-5 thìa café).</li> <li>- Mỗi đợt dùng 3 -4 tuần.</li> </ul> <p><b>Uống trước bữa ăn</b>, có thể uống nguyên chất, hòa vào nước, hay trộn với thức ăn hoặc với sữa.</p> <p>-</p>
18	Siro Bô tý P/H	Kích thích tiêu hóa, dùng cho trẻ chán ăn, còi xương, rối loạn tiêu hóa, suy dinh dưỡng, phân sống, tiêu chảy kéo dài.	<b>Trẻ em dưới 30 tháng tuổi, trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật sốt cao.</b>	<p>Ngày uống 2 lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ em 6 tháng tuổi – 3 tuổi, mỗi lần uống 2 thìa café (10ml).</li> <li>- Trẻ em từ 4-12 tuổi mỗi lần uống 2-3 thìa café (15ml).</li> <li>- Người lớn mỗi lần 4 thìa café (20ml).</li> </ul> <p>Có thể pha loãng với nước ấm cho dễ uống.</p>
19	TADIMAX	Điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt và u xơ tử cung.	<b>Bí tiểu hoàn toàn do các nguyên nhân khác. Phụ nữ có thai và cho con bú.</b>	<p>Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 viên. <b>Uống sau bữa ăn.</b> Uống liên tục trong ít nhất 2 tháng.</p>
20	TOMOKO	Điều trị trĩ, đi ngoài ra máu, đại tràng táo nhiệt.	<b>Phụ nữ có thai.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Uống mỗi lần 2-3 viên x 3 lần/ ngày.</li> <li>- Mỗi đợt điều trị nên kéo dài 1-2 tháng.</li> </ul> <p><b>Nên uống nhiều nước</b>, từ 1,5 - 2 lít nước/ngày, không ăn đồ cay, nóng, không uống rượu bia, café.</p>
21	TUẦN HOÀN NÃO THÁI DƯƠNG	Dùng cho các trường hợp sau: thiếu năng tuần hoàn não, rối loạn tiền đình, đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, suy giảm trí nhớ, xơ vữa động mạch, di	<b>Phụ nữ có thai , phụ nữ đang trong chu kỳ kinh nguyệt, người đang chảy máu cấp tính (chảy máu dạ dày,</b>	<p>Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1-2 viên.</p> <p><b>Uống trước bữa ăn 1h hoặc sau bữa ăn 2h.</b></p>

		chứng tai biến mạch máu não.	<b>chảy máu cam, chảy máu chân răng...), người rối loạn đông máu, người sốt xuất huyết.</b>	
22	Thuốc ho Trung Ương 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công năng: bổ phổi, tiêu đờm, trừ ho.</li> <li>- Chủ trị: điều trị các chứng ho gió, ho khan, ho có đờm, ho lâu ngày không khỏi. Ho do viêm phế quản, viêm họng.</li> </ul>	<p>Mẫn cảm với thành phần nào của thuốc.</p> <p><b>Người tiểu đường. phụ nữ có thai. Trẻ em dưới 30 tháng tuổi. Người có tiền sử động kinh, sốt cao hoặc co giật.</b></p>	<p>Trẻ em từ 30 tháng-6 tuổi: mỗi lần 10ml x ngày 2-3 lần.</p> <p>Trẻ em từ 7-14 tuổi: mỗi lần 15ml x ngày 2-3 lần.</p> <p>Trẻ em trên 14 tuổi và người lớn: mỗi lần 20ml x ngày 2-3 lần.</p>
23	TIOGA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mát gan, lợi mật dùng trong các trường hợp: viêm gan, xơ gan, chức năng gan yếu.</li> <li>- Thanh nhiệt, giải độc, tiêu viêm dùng trị mụn nhọt, mẩn ngứa, phát ban, rôm sảy...</li> </ul>	<p>Không dùng thuốc cho người <b>tỳ vị hư hàn, ỉa chảy, người viêm tắc mật.</b></p>	<p>Người lớn: uống 2-3 viên/lần, 2-3 lần/ngày.</p> <p>Trẻ em: uống 1-2 viên/lần, 2-3 lần/ngày.</p> <p><b>Lưu ý:</b> không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.</p>
24	Thanh Phế Thủy	<p>Ho lâu ngày, ho khan, ho lao, ho có đờm, viêm họng mãn tính, hầu họng sưng đau, viêm phế quản mãn tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Người kinh nguyệt ra nhiều, phụ nữ có thai.</b></li> <li>- <b>Người tỳ vị hư hàn, ỉa chảy.</b></li> <li>- <b>Người đái tháo đường.</b></li> <li>- Người mẫn cảm với thành phần nào của thuốc.</li> </ul>	<p>Người lớn: 15-20ml/lần x 3 lần/ngày.</p> <p>Trẻ em: 5-15ml/lần x 3 lần/ngày.</p>

